

Tân Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Số: 207/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213, 361 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông A, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường C, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Và bà B, sinh năm 1979; Địa chỉ: đường Âu Cơ, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B chung sống với nhau từ năm 1999 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 01 tháng 7 năm 1999 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà B là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ: 476/170/7B đường Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2015 nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc không hòa hợp về tính cách dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2015, kể từ thời điểm đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Hai bên nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm thương yêu giữa vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông A và bà B đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly

hôn. Vì vậy, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông A và bà B.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông A và bà B có 04 người con chung A2, sinh ngày 18/01/2000, A3, sinh ngày 04/7/2001, A4, sinh ngày 06/8/2004 và A5, sinh ngày 20/12/2007. Hai bên thỏa thuận giao hai cháu A2 và A5 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, ông A tạm thời chưa yêu cầu bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung. Tại Bản tự khai ngày 23/3/2021, hai cháu A2 và A5 trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, xét nguyện vọng trên của hai cháu là tự nguyện nên ghi nhận. Nhận thấy hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự. Đối với 02 con chung A2 và A3 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông A và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông A và bà B khai không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, ông A và bà B mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông A và bà B thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung A4, sinh ngày 06/8/2004 và A5, sinh ngày 20/12/2007 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A tạm thời chưa yêu cầu bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu A2 và A5. Đối với 02 con chung A2, sinh ngày 18/01/2000 và A3, sinh ngày 04/7/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Bà B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Ông A và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông A và bà B khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, ông A và bà B mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng

nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng ông A và bà B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0069103 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A và bà B đã nộp đủ lệ phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- UBND Phường 10, quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn
số 64 ngày 01 tháng 7 năm 1999);
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính